

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 118/2024/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2024 giữa:

- Nguyên đơn: Ông **Chu Hoàng Ng** - Sinh năm 1972

Địa chỉ: Xóm 3, xã Vĩnh Q, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

- Bị đơn: Bà **Đoàn Thị H** - Sinh năm 1974

Địa chỉ: Tổ 07, phường Đề Th, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Hoàng Thị L** - Sinh năm 1960

Địa chỉ: Tổ 07, phường Hợp Gi, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 59, Điều 60, Điều 62 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; các khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 5 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 5 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn ông Chu Hoàng Ng và bị đơn bà Đoàn Thị H thuận tình ly hôn.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn ông Chu Hoàng Ng và bị đơn bà Đoàn Thị H cùng thoả thuận nhất trí tự nguyện thuận tình ly hôn.

Về con chung: Hai bên đương sự cùng xác nhận vợ chồng có 02 con chung, bao gồm:

- Chu Thị Nguyệt, sinh ngày 12/6/1995, giới tính: nữ;

- Chu Văn Nghiệp, sinh ngày 21/12/2005, giới tính: nam

Hiện nay các con chung đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung:

Căn cứ theo Giấy chứng nhận chứng nhận quyền sử dụng đất số M 675093 do Ủy ban nhân dân huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng cấp ngày 08/6/1999 mang tên Chu Hoàng Ng; Giấy chứng nhận chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 324015 do Ủy ban nhân dân huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng cấp ngày 10/8/2009 mang tên Chu Hoàng Ng và Biên bản định giá tài sản ngày 18 tháng 4 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Nguyên đơn ông Ng và bị đơn bà H thỏa thuận phân chia tài sản như sau:

- Đối với thửa đất số 413a, tờ bản đồ số 346bIII, diện tích 220 m² (theo Giấy chứng nhận chứng nhận quyền sử dụng đất số M 675093 do Ủy ban nhân dân huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng cấp ngày 08/6/1999 mang tên Chu Hoàng Ng), địa chỉ: Xóm 3, xã Vĩnh Q, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng và nhà ở, công trình xây dựng trên đất thống nhất chia đôi ông Ng và bà H có quyền sử dụng mỗi Người 110 m² đất và tài sản gắn liền với đất dọc theo mảnh đất (nếu chia theo thực tế không đủ diện tích hoặc nhiều hơn tùy tình hình thực tế vẫn chấp nhận);

*Ông Ng lấy phần đất và công trình xây dựng trên đất (phần có 02 buồng và bàn thờ) có tứ cận tiếp giáp:

Phía Bắc giáp đường tỉnh lộ 203;

Phía Nam giáp nhà đất ông Lương Thái Hà;

Phía Tây giáp nhà, đất bà H được chia;

Phía Đông giáp đường bê tông.

Giá trị phần đất ở và tài sản trên đất ông Ng được hưởng: 451.515.462 đồng.

*Bà H lấy phần đất và công trình xây dựng trên đất (phần có gara ô tô), có tứ cận tiếp giáp:

Phía Bắc giáp đường tỉnh lộ 203;

Phía Nam giáp nhà đất ông Lương Thái Hà;

Phía Tây giáp nhà, đất ông Nguyễn Đức Giang;

Phía Đông giáp nhà, đất ông Ng được chia;

Giá trị phần đất ở và tài sản trên đất bà H được hưởng: 451.515.462 đồng.

- Đối với thửa đất số 12, 13a, tờ bản đồ số 9, tổng diện tích 864 m² (theo Giấy chứng nhận chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 324015 do Ủy ban nhân dân huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng cấp ngày 10/8/2009 mang tên Chu Hoàng Ng), địa chỉ: xóm Đồng Chúp, xã Hưng Đạo, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng thống nhất chia đôi ông Ng và bà H mỗi Người có quyền sử dụng 432 m² đất dọc theo đường cái (nếu chia theo thực tế không đủ diện tích hoặc nhiều hơn tùy tình hình thực tế vẫn chấp nhận);:

* Ông Ng được quyền sử dụng 432 m² đất có tứ cận tiếp giáp:

Phía Đông giáp đất ông Lê Văn Hưởng;

Phía Tây giáp phần đất bà H được chia;

Phía Nam giáp đất ông Nông Văn Quảng (hiện nay đã chuyển nhượng cho ông Hoàng Văn Thuận);

Phía Bắc giáp với thửa đất số 11 (hiện nay thực tế ông Ng vẫn đang quản lý sử dụng), tiếp đến là giáp đất ông Lê Văn Hưởng.

Giá trị phần đất chuyên trồng lúa ông Ng được hưởng: 54.000.000 đồng.

*Bà H được quyền sử dụng 432 m² đất có tứ cận tiếp giáp:

Phía Đông giáp phần đất ông Ng được chia;

Phía Tây giáp đất ông Đoàn Ngọc Chiên, ông Ma Văn Diên;

Phía Nam giáp đất ông Chu Phạm Nghị (hiện nay đã chuyển nhượng cho ông Hoàng Văn Diên) và một phần đất ông Nông Văn Quảng (hiện nay đã chuyển nhượng cho ông Hoàng Văn Thuận);

Phía Bắc giáp đất bà Hoàng Thị Văn.

Giá trị phần đất chuyên trồng lúa bà H được hưởng: 54.000.000 đồng.

*Tổng giá trị tài sản ông Ng được hưởng: 505.515.462 đồng.

*Tổng giá trị tài sản bà H được hưởng: 505.515.462 đồng.

Về nợ chung: Ông Ng, bà H cùng Ngòi cho vay bà Hoàng Thị L xác nhận, vợ chồng có vay bà Hoàng Thị L số tiền cả gốc và lãi đến nay là 125.215.000 đồng. Khi ly hôn, ông Ng và bà H mỗi Ngòi có trách nhiệm trả cho bà Hoàng Thị L số tiền 62.607.500 đồng.

Về án phí: Ông Chu Hoàng Ng và Đoàn Thị H mỗi Ngòi phải nộp 75.000 đồng (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm về việc thuận tình ly hôn và 13.362.459 đồng (mười ba triệu ba trăm sáu mươi hai nghìn bốn trăm năm mươi chín đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Tổng số tiền án phí ông Chu Hoàng Ng và Đoàn Thị H mỗi Ngòi phải nộp là 13.437.459 đồng (mười ba triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn bốn trăm năm mươi chín đồng) để sung vào công quỹ nhà nước.

Đối với ông Chu Hoàng Ng: được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Chu Hoàng Ng đã nộp với số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001084 ngày 08/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Ông Ng còn phải nộp 13.137.459 đồng (mười ba triệu một trăm ba mươi bảy nghìn bốn trăm năm mươi chín đồng) tiền án phí để sung vào công quỹ Nhà nước.

Đối với bà Đoàn Thị H: được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Đoàn Thị H đã nộp với tổng số tiền 17.500.000 đồng (*Mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) theo các biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001140 ngày 22/11/2024 (nộp 10.000.000 đồng) và biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001140 ngày

24/12/2024 (nộp 7.500.000 đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Xác nhận, bà Đoàn Thị H đã nộp đủ án phí và được hoàn lại số tiền là 4.062.541 đồng (Bốn triệu không trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm bốn mươi một đồng)

Về chi phí tố tụng: Bà Đoàn Thị H tự nguyện chịu toàn bộ số tiền chi phí tố tụng là 15.612.000đ (Mười lăm triệu sáu trăm mười hai nghìn đồng), trong đó: 11.112.000 đồng là chi phí cho đơn vị đo vẽ, 3.000.000 đồng là chi phí cho hội đồng xem xét thẩm định tại chỗ, 1.500.000 đồng là chi phí cho hội đồng định giá tài sản). Xác nhận bà Đoàn Thị H đã nộp đủ tiền chi phí tố tụng theo Biên bản giao nhận tiền tạm ứng chi phí tố tụng các ngày 07/01/2025 và 20/5/2025.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND, CC THADS thành phố Cao Bằng;
- TAND, VKSND tỉnh Cao Bằng;
- UBND xã Vĩnh Quang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Hoàng Kim Chi